

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày: 24 – 7 – 2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Long**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Minh Phần và bà Trần Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trí – Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLST – DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST – DS ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Tôn Khánh C** – sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ N** – sinh năm 1972 (có mặt), ông **Trần Minh T** – sinh năm 1967 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Tôn Khánh C trình bày:

Ngày 19 – 4 – 2023 bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T vay số tiền 400.000.000 đồng, ngày 15 – 5 – 2023 bà tiếp tục có cho vợ

chồng bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T vay 600.000.000 đồng. Tổng cộng 2 lần vay là 1.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Một tỷ đồng*). Bà đã giao tận tay vợ chồng bà N và ông T số tiền 1.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Một tỷ đồng*), bà N và ông T đã nhận số tiền trên.

Bà và vợ chồng bà N có làm giấy vay mượn tiền ngày 19/4/2023 và ngày 15/5/2023. Chữ viết, chữ ký do bà N, ông T tự ký và viết ra. Trong giấy vay tiền ngày 19/4/2023 và ngày 15/5/2023 không ghi thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất, vì chỗ quen biết nên giúp đỡ để làm ăn. Hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 1.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng nhưng thực tế vợ chồng bà N chưa trả cho bà tiền lãi. Khoảng tháng 8/2023 vợ chồng bà N và ông T đã trả cho bà 600.000.000 đồng thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/9/2023, diện tích 5.000 m² ở thôn A, X, N.

Từ lúc vay đến nay bà đã nhiều lần đến nhà vợ chồng bà N và ông T yêu cầu vợ chồng bà N trả cho bà số tiền 400.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*) nhưng vợ chồng bà N và ông T không thiện chí trả nợ. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà N và ông T trả cho bà số tiền gốc 400.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*) và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 19/4/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tất cả số tiền 1.000.000.000 đồng này đều là tiền của bà. Vì giữa bà với ông Võ Văn V, sinh năm 1973 là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định số 03/2020/HNGĐ –PT ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Hiện nay bà chưa đăng ký kết hôn với ai. Bà xác nhận số tiền bà cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T vay mượn là tài sản riêng của bà, không liên quan tới ông Võ Văn V.

Nay bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà N và ông T trả cho bà số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền nợ lãi từ ngày 19/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2024 theo lãi suất quy định của pháp luật với số ngày là 462 ngày.

Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T trình bày:

Ngày 19/4/2023 vợ chồng bà vay của bà Võ Tôn Khánh Chữ số tiền 400.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*). Ngày 15/5/2023 vợ chồng bà vay tiếp số tiền 600.000.000 đồng (*bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng*). Tổng cộng 02 lần vay của bà C là 1.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Một tỷ đồng*). Vợ chồng bà đã

nhận số tiền 1.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Một tỷ đồng*) từ bà C. Khoảng tháng 8/2023 vợ chồng bà đã trả cho bà C được số tiền 600.000.000 đồng thông qua việc sang nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/9/2023, diện tích 5.000 m² ở thôn A, X, N.

Vợ chồng bà có làm giấy vay tiền ngày 19/4/2023 và ngày 15/5/2023. Chữ viết, chữ ký do ông bà tự ký và viết ra, chữ ký “N, Nguyễn Thị Mỹ N” và “T, Trần Minh T” do vợ chồng ông bà tự ký và viết ra. Trong giấy vay tiền ngày 19/4/2023 và ngày 15/5/2023 không ghi thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất, vì chỗ quen biết nên giúp đỡ để làm ăn, nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất 1.500 đồng/ngày/1.000.000 đồng, vợ chồng ông bà có trả tiền lãi được 5 tháng trên số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng với số tiền lãi 60.000.000 đồng. Việc trả tiền lãi giữa bà với bà Võ Tôn Khánh C chỉ nói miệng với nhau hai bên không có làm giấy tờ gì, bà C có ghi vào sổ sách của bà C. Do vợ chồng bà làm ăn khó khăn, nên chưa có tiền trả cho bà C được.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền vay 400.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*) và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 19/4/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, ông bà có ý kiến như sau: Vợ chồng ông bà đồng ý hoàn trả cho bà C số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*) và không đồng ý trả lãi suất.

Ông Trần Minh T trình bày: Ông đồng ý toàn bộ nội dung trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị Mỹ N, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Tôn Khánh C về việc tính lãi suất. Ông không khiếu nại, không tranh chấp gì, xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa các đương sự không nộp thêm chứng cứ gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Buộc bị đơn bà N, ông T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà C số

tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, buộc vợ chồng Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn lãi suất do pháp luật quy định là 50.630.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.025.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

-Nguyên đơn bà Võ Tôn Khánh C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T trả tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Tại phiên tòa ông Trần Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Nguyên đơn bà Võ Tôn Khánh C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T phải trả số tiền 400.000.000 đồng gốc, có yêu cầu trả lãi. Bà C cung cấp chứng cứ là một Giấy vay tiền ngày 15/5/2023 và nhận tiền của bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T ngày 19/4/2023, ngày 15/5/2023.

Xét thấy: khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, nội dung ghi đầy đủ tên, địa chỉ người vay, người cho vay, loại tài sản cho vay, ngày vay và chữ ký của bên vay trong hợp đồng vay, thể hiện sự thỏa thuận của các bên, các bên đã thừa nhận tự nguyện ký kết hợp đồng nên hợp đồng vay tiền giữa bà Võ Tôn Khánh C với bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T ngày 19 – 4 – 2023 với số tiền 400.000.000 đồng và ngày 15 – 5 – 2023 với số tiền 600.000.000 đồng là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Tháng 8/2023 vợ chồng bà N đã trả được 600.000.000 đồng thông qua việc sang nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/9/2023, diện tích 5.000 m² ở thôn A, X, N. Bà C cũng đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu hoàn trả số tiền còn lại

nhưng vợ chồng bà N cố tình không chịu trả. Đây là hợp đồng vay tiền, không lãi và không có thời hạn. Đến hạn trả nợ vợ chồng bà N không trả được cho bà C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần áp dụng Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T có trách nhiệm trả cho bà Võ Tôn Khánh Chữ số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*). Tại phiên tòa bà N đồng ý trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng cho bà C, vì vậy công nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa nguyên đơn với bị đơn về số tiền nợ gốc trên.

Tuy nhiên, giữa nguyên đơn và bị đơn không thống nhất về mức tiền lãi phải trả. Tại phiên tòa bà C trình bày cho rằng trên thực tế hai bên thỏa thuận tiền lãi cho vay là 1.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng tương ứng 0,1%/ngày (36,5%/năm) là vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Từ khi quá trình giải quyết vụ án đến nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất theo quy định pháp luật (20%/năm), tính theo ngày, từ ngày vay tiền 19/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/7/2024) là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

Do hai bên đều trình bày miệng, không xác định rõ, không thỏa thuận được tại phiên tòa về lãi suất phải trả và tranh chấp về mức lãi suất này nên không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự xác định mức lãi suất đối với tiền gốc còn nợ mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn áp dụng trong vụ án này là 10%/năm.

Tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 19/4/2023 đến ngày 24/7/2024 là 462 ngày

Tiền lãi = $(400.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365/100) \times 462 \text{ ngày} = 50.630.137 \text{ đồng}$
(làm tròn thành 50.630.000 đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi vợ chồng bà N phải trả cho bà C là: 400.000.000 đồng + 50.630.000 đồng = 450.630.000 đồng.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.025.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 466; khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 5, 13 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Tôn Khánh C.

Tuyên xử:

-Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ Tôn Khánh Chữ s tiền tính đến ngày 24/7/2024 là 450.630.000 đồng (bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó: nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi: 50.630.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.025.000 đồng (*bằng chữ: Hai mươi hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn bà Võ Tôn Khánh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Tôn Khánh Chữ s tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng (*bằng chữ: Mười triệu đồng*) mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003514 ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt nguyên đơn bà Võ Tôn Khánh C, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24/7/2024). Riêng bị đơn ông Trần Minh T vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHA dân sự huyện Ninh Hải;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Long

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành Huỳnh Thị Bích Nhung

Vân Thị Thu Sang